

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 26/02/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 432/2020/LTST-HNGĐ ngày 28/10/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị Thu Ph, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phi L, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(*chị Ph và anh L vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, các lời khai bổ sung trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn chị Danh Thị Thu Ph trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian khoảng gần 04 năm thì đến năm 2010 anh chị chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã về tất cả mọi việc trong

gia đình nên từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 02/01/2011; Nguyễn Phước A, sinh ngày: 16/01/2013 và Nguyễn Phước Kh, sinh ngày: 16/01/2013.

Khi ly hôn chị giao cả 3 người con chung là cháu V, A và Kh cho anh L nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do hai bên tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Ngày 15/12/2020 chị có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

*\* Tại bản tự khai, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện bị đơn anh Nguyễn Phi L trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Ph về quan hệ hôn nhân, việc không đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Ph trình bày. Nay chị Ph xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị Ph vì không còn tình cảm vợ chồng với nhau, về con chung anh yêu cầu được nuôi cả 3 người con chung, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Ngày 15/12/2020 anh có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

*\* Các tài liệu, chứng cứ:*

Nguyên đơn và bị đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của các con chung (bản sao).

*\* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đại diện VKS huyện C không có kiến nghị gì.*

Về nội dung: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 131, của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 11; Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Ph và anh L là vợ chồng, về con chung; giao 03 người con chung cho anh L nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Danh Thị Thu Ph khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Phi L và xin giao con chung cho anh L nuôi dưỡng nên đây là vụ kiện: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Ph có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L nên chị Phương là nguyên đơn, anh L là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Phi L hiện cư trú tại ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Danh Thị Thu Ph và anh Nguyễn Phi L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Danh Thị Thu Ph và anh Nguyễn Phi L là vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị Ph và anh L thống nhất giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 02/01/2011; Nguyễn Phước A, sinh ngày: 16/01/2013 và Nguyễn Phước Kh, sinh ngày: 16/01/2013 cho anh Nguyễn Phi L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Ph.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Danh Thị Thu Ph phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11, Điều 87, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Danh Thị Thu Ph và anh Nguyễn Phi L là vợ chồng.

- Về con chung: giao con chung cháu Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 02/01/2011; Nguyễn Phước A, sinh ngày: 16/01/2013 và Nguyễn Phước Kh, sinh ngày: 16/01/2013 cho anh Nguyễn Phi L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Danh Thị Thu Ph.

Khi cần thiết chị Ph và anh L được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Danh Thị Thu Ph phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0002179 ngày 24/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị Ph đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký và đóng dấu)

**Lê Thị Khuyên**